

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Cầu Đò Cung bắc qua sông Lam, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án cầu Đò Cung bắc qua sông Lam, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An và Văn bản số 2671/UBND-BQLDA ngày 20/11/2023 của UBND huyện Thanh Chương về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 8537/STNMT-BVMT ngày 29/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:


Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án cầu Đò Cung bắc qua sông Lam, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An (sau đây gọi tắt là Dự án) của UBND huyện Thanh Chương (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Cát Văn, huyện Thanh Chương và xã Trung Sơn, huyện Đô Lương với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Thanh Chương, Đô Lương; Chủ tịch UBND các xã: Cát Văn, Trung Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. //

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Phó Chủ tịch (NN) UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT.NN(V) 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đệ

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN CẦU ĐÒ CUNG BẮC QUA SÔNG LAM,
HUYỆN THANH CHƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN**

*(kèm theo Quyết định số 3956 /QĐ-UBND
ngày 01 /12/2023 của UBND tỉnh Nghệ An)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Cầu Đò Cung bắc qua sông Lam, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An;

- Địa điểm thực hiện: xã Cát Văn, huyện Thanh Chương và xã Trung Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An;

- Chủ dự án: UBND huyện Thanh Chương;

- Địa chỉ: thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An;

- Đại diện chủ dự án: Ông Trình Văn Nhã, Chức vụ: Chủ tịch.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

Theo Quyết định số 4654/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 và Quyết định số 3405/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình: Cầu Đò Cung bắc qua sông Lam, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, phạm vi và quy mô của dự án:

- Cầu xây vĩnh cửu bằng bê tông cốt thép và bê tông cốt thép dự ứng lực, tải trọng thiết kế HL 93; bề rộng cầu: $B=9$ m. Chiều dài cầu đến hết đuôi mố là 418,4 m, sơ đồ cầu gồm 10 nhịp, tần suất thiết kế 1%. Sông thông thuyền cấp III, $B \times H = (40 \times 7)$ m.

- Đường đầu cầu: thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng (theo TCVN 4054:2005). Tổng chiều dài tuyến bao gồm cả cầu là 1.562,63 m. Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống điện chiếu sáng, an toàn giao thông.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.3.1. Các hạng mục công trình

a. Các hạng mục công trình chính

- Phần cầu: cầu xây vĩnh cửu bằng bê tông cốt thép và bê tông cốt thép dự ứng lực, tải trọng thiết kế HL 93; bề rộng cầu: $B=9$ m. Chiều dài cầu đến hết đuôi mố là 418,4 m, sơ đồ cầu gồm 10 nhịp, tần suất thiết kế 1%. Sông thông thuyền cấp III, $B \times H = (40 \times 7)$ m.

- Phần đường đầu cầu: thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng (theo TCVN 4054:2005), nền đường rộng: $B_{\text{nền}}=9,0$ m; bề rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}}=2 \times 3,5=7,0$ m; bề rộng lề gia cố: $B_{\text{lề gia cố}}=2 \times 0,5 = 1,0$ m; bề rộng lề

đất Blê = $2 \times 0,5 = 1,0$ m. Mặt đường bê tông nhựa. Tổng chiều dài tuyến bao gồm cả cầu là 1.562,63 m.

b. Các hạng mục phụ trợ

- Xây dựng 02 nút giao trên đoạn tuyến (nút giao với đường Quốc lộ 46C và nút giao với đường Quốc lộ 46B). Xây dựng 01 nút giao đoạn giao đường đê hữu ngạn sông Lam.

- Xây dựng công trình gia cố, phòng hộ và đảm bảo an toàn giao thông (hàng rào, lan can cầu, tôn lượn sóng,...);

- Hệ thống phục vụ khai thác: hệ thống chiếu sáng (đường dây, trạm biến áp, hệ thống đèn chiếu sáng và đèn tín hiệu), hệ thống an toàn giao thông,

- Xây dựng 217 m nương thủy lợi hoàn trả nương thủy lợi bị ảnh hưởng bởi tuyến đường. Nương bằng bê tông, không nắp đập dày 15 cm, kích thước thân nương BxH=(0,6x0,6) m.

- Các hạng mục phụ trợ thi công gồm:

+ Bố trí 02 công trường thi công (gồm lán trại; bãi tập kết máy móc; bãi gia công cốt thép; bãi tập kết vật liệu); 01 trạm trộn bê tông xi măng;

+ Đổ đất đá loại tại 2 bãi (01 bãi trên địa bàn xã Cát Văn, huyện Thanh Chương và 01 bãi trên địa bàn xã Trung Sơn, huyện Đô Lương).

c. Các hạng mục bảo vệ môi trường

Hệ thống thoát nước:

- Xây dựng cống thoát nước ngang: cống tròn, ống cống bằng bê tông cốt thép đúc sẵn; tường đầu, tường cánh, hố thu, gia cố sân thượng, hạ lưu bằng bê tông xi măng đổ tại chỗ trên lớp máng bằng dăm đệm dày 10 cm.

- Xây dựng rãnh thoát nước dọc: rãnh dọc nền đào có tiết diện hình thang, kích thước đáy rộng 40 cm; mặt rãnh rộng 120 cm; 02 bên rãnh được gia cố bằng tấm ốp bê tông xi măng.

1.3.2. Các hoạt động của dự án đầu tư

a. Giai đoạn thi công xây dựng

Hoạt động lắp đặt công trường thi công, bóc lớp đất bùn hữu cơ, làm đường công vụ, thi công các hạng mục của dự án, vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của công trường, lán trại, trạm trộn bê tông xi măng, hoạt động sinh hoạt của công nhân tại công trường, hoạt động hoàn trả mặt bằng tại các vị trí bố trí công trường, lán trại thi công và san gạt mặt bằng bãi đổ đất đá loại.

b. Giai đoạn hoạt động

- Hoạt động bảo trì, duy tu các hạng mục của dự án;

- Hoạt động của các phương tiện giao thông trên tuyến.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án chiếm dụng khoảng 6,8 ha đất, trong đó yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa 02 vụ với diện tích khoảng 8.365,9m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Dự án chiếm dụng đất ở của các hộ dân; chiếm dụng đất nông nghiệp, làm suy giảm diện tích đất trồng lúa và ảnh hưởng tới đời sống, sinh kế, thu nhập của các hộ dân bị ảnh hưởng trong phạm vi Dự án;

- Hoạt động phát quang, chuẩn bị mặt bằng thi công, hoạt động đào đắp nền đường, thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển đất, đá loại, phế thải phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; có nguy cơ gây ngập úng, gián đoạn nguồn nước tưới, ảnh hưởng đến mỹ quan, hoạt động giao thông đường bộ, đường thủy và tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn lao động, cháy nổ,...

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến trong giai đoạn vận hành phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải và nguy cơ xảy ra sự cố sụt lún công trình, sự cố xói lở;

- Hoạt động vận hành, bảo trì, duy tu, sửa chữa trên tuyến phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ và công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng 6m³/ngày; thành phần chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh;

- Nước thải từ hoạt động vệ sinh dụng cụ, rửa bánh xe đối với phương tiện ra vào công trường trong giai đoạn thi công với khối lượng khoảng 3m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, đất, cát;

- Nước thải từ hoạt động của trạm trộn bê tông với khối lượng khoảng 1m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, đất, cát;

- Nước mưa chảy tràn thành phần chủ yếu nước mưa chảy tràn cuốn theo chất rắn lơ lửng trên bề mặt, đất, đá,... Lưu lượng phát sinh lớn nhất ước tính: $6,41 \text{ m}^3/\text{s}$.

b. Giai đoạn vận hành

Nước mưa chảy tràn thành phần chủ yếu nước mưa cuốn theo chất rắn lơ lửng trên bề mặt, đất, cát, lá cây... Lưu lượng phát sinh lớn nhất ước tính: $9,29 \text{ m}^3/\text{s}$.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình giải phóng mặt bằng, đào đắp, san gạt, vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công các hạng mục công trình (bao gồm phần trên cầu và phần đường dẫn 2 bên đầu cầu), hoạt động thảm nhựa mặt đường, hoạt động của trạm trộn bê tông; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, phế thải;

- Khí thải phát sinh từ các loại máy móc, phương tiện vận tải hoạt động thi công xây dựng công trình. Thành phần chứa chủ yếu trong khí thải: CO, NO_x, SO₂, VOC,...

b. Giai đoạn vận hành

Hoạt động bảo dưỡng, duy tu và hoạt động của các phương tiện giao thông. Thành phần chủ yếu bao gồm: bụi, CO, NO_x, SO₂, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ sinh hoạt hàng ngày của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường khoảng 30 kg/ngày ; thành phần: các chất hữu cơ (thực phẩm thừa, ...) và các chất vô cơ, hữu cơ khó phân huỷ (giấy báo, bao bì, vỏ chai thủy tinh/nhựa, túi nilon,...);

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh: xây dựng các hạng mục công trình (giải phóng mặt bằng, bóc lớp hữu cơ, xây dựng các hạng mục công trình, đào rãnh thoát nước, hố lửng, hố ga, móng, mương...):

+ Chất rắn xây dựng phát sinh từ hoạt động tại công trường khoảng 10 kg/ngày . Thành phần chủ yếu gồm: bao bì, sắt thép vụn...

+ Đất, phế thải loại bỏ do hoạt động đào, đắp với tổng khối lượng khoảng $6.874,7 \text{ m}^3$. Thành phần chủ yếu gồm: bùn hữu cơ, đất thải;

+ Đất mặt của đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước với khối lượng đất mặt $8.365,9 \text{ m}^2$ phải bóc với độ sâu $0,2 \text{ m}$ là: $1.673,2 \text{ m}^3$.

b. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động bảo trì, duy tu công trình phát sinh chất rắn thông thường như bê tông thừa, cọc tiêu hỏng,... khối lượng phát sinh khoảng 15kg/đợt bảo dưỡng.

- Hoạt động của cán bộ công nhân viên bảo trì, duy tu công trình phát sinh chất thải rắn sinh hoạt khoảng 5 kg/đợt, thành phần chủ yếu thực phẩm thừa, túi nilon, vỏ hộp nhựa, vỏ chai thủy tinh, kim loại,....

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a. Giai đoạn thi công xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa đối với phương tiện thi công tại mỗi công trường với khối lượng phát sinh khoảng 15 kg/tháng. Thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu, ốc quy, vỏ thùng sơn, vải hút dầu...

b. Giai đoạn vận hành

Hoạt động bảo trì, duy tu công trình phát sinh chất rắn như vỏ thùng sơn, giẻ lau dính dầu, nhựa đường bám dính... khối lượng phát sinh khoảng 3-5 kg/đợt bảo dưỡng.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Tiếng ồn: từ hoạt động của các phương tiện máy móc, thiết bị đào đắp, vận chuyển nguyên vật liệu thi công (máy đào, máy trộn bê tông, xe tải,...);

- Độ rung: từ hoạt động của các máy móc lớn thi công san lấp, lu lèn, vận chuyển nguyên vật liệu.

b. Giai đoạn vận hành

Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông trên tuyến phát sinh tiếng ồn có khả năng ảnh hưởng tới một số khu dân cư nằm dọc hai bên tuyến.

3.4. Các tác động môi trường khác

- Tác động do chiếm dụng đất: dự án thu hồi, chuyển đổi lâu dài mục đích sử dụng đất sản xuất nông nghiệp của địa phương có thể ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân bị thu hồi đất;

- Vận chuyển nguyên vật liệu phát sinh bụi, khí thải ảnh hưởng đến các hộ dân hai bên đường và đi lại của người tham gia giao thông;

- Các rủi ro, sự cố có thể xảy ra: sự cố cháy nổ, chập điện, mưa bão, ngập lụt, tai nạn giao thông, sụt lún công trình.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Đối với nước thải sinh hoạt: nước thải vệ sinh lắp đặt tại mỗi công trường thi công 01 nhà vệ sinh di động để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ vận chuyển, xử lý, khi gần đầy bể. Quy trình: nước thải sinh hoạt → nhà vệ sinh di động → đơn vị chức năng hút, vận chuyển, xử lý khi gần đầy.

- Đối với nước thải thi công xây dựng

+ Nước thải xây dựng: bố trí 01 điểm rửa xe khu vực trước công ra vào khu vực dự án. Nước thải sau khi lắng cơ học được tuần hoàn tái sử dụng lại.

+ Nước thải từ hoạt động trạm trộn bê tông: xây dựng tại trạm trộn bê tông 01 bể lắng cấu tạo 03 ngăn, dung tích khoảng $2m^3$ để thu gom, lắng toàn bộ nước thải từ hoạt động của trạm trộn bê tông. Nước thải sau khi lắng sẽ được bơm lên bồn trộn để tái sử dụng cho hoạt động sản xuất bê tông. Quy trình: nước rửa cối trộn → lắng 03 ngăn → lắng cặn → tái sử dụng cho hoạt động sản xuất bê tông.

- Nước mưa chảy tràn: nước mưa thu gom, dẫn vào mương đất dẫn qua hố ga có song chắn rác để thu gom rác. Nước sau hố ga để chảy tràn qua thảm cỏ trước khi cho chảy vào nguồn nước. Quy trình: nước mưa chảy tràn → mương đất thoát nước → hố lắng → môi trường.

b. Giai đoạn vận hành

Nước mưa chảy tràn: khu đi vào vận hành, hệ thống thoát nước ngang và rãnh thoát nước dọc của dự án đã hoàn thành theo thiết kế nên việc tiêu thoát nước mưa chảy tràn được đảm bảo. Định kỳ kiểm tra, nạo vét, duy tu, bảo trì hệ thống thoát nước, đảm bảo không bị tắc nghẽn trong mùa mưa.

4.1.2. Đối với thu gom và xử lý khí thải

a. Giai đoạn thi công xây dựng

Sử dụng các phương tiện, máy móc được đăng kiểm; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất đá loại; phun nước giảm bụi, thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận; lắp đặt hệ thống vệ sinh phương tiện vận chuyển tại công trường, đảm bảo tất cả các xe được rửa sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường; lắp đặt thiết bị xử lý bụi của trạm trộn bê tông xi măng; đảm bảo môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định của pháp luật hiện hành; sử dụng bê tông nhựa nóng thương phẩm, không đun nấu bê tông nhựa tại khu vực dự án.

b. Giai đoạn vận hành

- Định kỳ bảo dưỡng mặt đường trong giai đoạn vận hành nhằm hạn chế tối đa lớp bê tông alphas bị lão hoá;

- Đặt biển báo quy định tốc độ xe tham gia giao thông;

- Trồng dải cây xanh hai bên tuyến đường giúp tạo cảnh quan và cản bụi.
Bố trí ô trồng cây trên vỉa hè.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt:

Bố trí 3 thùng chứa có nắp đậy dung tích 100 lít/thùng phía sau lán chỉ huy để thu gom chất thải rắn sinh hoạt, tiến hành phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo hướng dẫn, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định (tần suất 2 ngày/lần).

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Sinh khối phát quang: hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định;

+ Phế thải xây dựng như bao xi măng, sắt thép xây dựng hỏng, cọc chống, ... sẽ được thu gom về khu lán trại và định kỳ vận chuyển ra bán phế liệu;

+ Khối lượng đất bóc hữu đất lúa 8.365,9 m² phải bóc với độ sâu tầng bóc 0,2m là 1.673,2m³, lưu giữ tạm thời trong phạm vi giải phóng mặt bằng của dự án sau khi cào bóc và tái sử dụng trong để trồng cây xanh vỉa hè, đất dải phân cách, hành lang đường giao thông của dự án;

+ Đất đá thải đào hố móng và đất đá khi thi công đường: tận dụng tối đa đất đá loại để san lấp; phần dư thừa được tập kết tạm thời trong phạm vi giải phóng mặt bằng, làm khô sơ bộ để dễ dàng vận chuyển. Sau đó vận chuyển về đổ thải tại các bãi thải theo văn bản đã thỏa thuận với Ủy ban nhân dân xã Trung Sơn và Ủy ban nhân dân xã Cát Văn.

b. Giai đoạn vận hành

Toàn bộ chất thải rắn phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng sẽ được thu gom tại vị trí thích hợp, không cản trở giao thông và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a. Giai đoạn thi công xây dựng

Bố trí 03 thùng phuy có nắp đậy, dán nhãn cảnh báo (02 thùng đựng chất thải nguy hại dạng rắn, 01 thùng đựng chất thải nguy hại dạng lỏng) trong kho chất thải nguy hại diện tích 10m² cạnh lán chỉ huy. Định kỳ, hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý theo quy định tại Nghị định số

08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b. Giai đoạn vận hành

Toàn bộ chất thải rắn phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng sẽ được thu gom tại vị trí thích hợp, không cản trở giao thông và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom xử lý theo quy định.

4.3. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Bảo trì các thiết bị và xe trong giai đoạn thi công xây dựng;
- Hạn chế vận hành các máy móc thiết bị đồng thời và tắt các máy móc ngay khi không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy;
- Hạn chế thi công và vận chuyển phế thải qua khu dân cư dọc theo đường liên thôn, đường liên xã ban đêm, nếu thi công vào ban đêm chỉ sử dụng những máy móc thiết bị có mức âm nguồn thấp, có kế hoạch thi công hợp lý.
- Công nhân thi công trên công trường sẽ được trang bị bảo hộ lao động hạn chế hoặc chống ồn.

b. Giai đoạn vận hành

Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn trong giai đoạn vận hành: lắp biển báo hạn chế tốc độ.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất: hoàn tất công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tiến hành thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định;
- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: trang bị đầy đủ các loại phương tiện phòng cháy, chữa cháy; tổ chức lực lượng phòng cháy chữa cháy tại chỗ, giáo dục tuyên truyền và huấn luyện cho cán bộ nhân viên về công tác phòng cháy chữa cháy;
- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: xây dựng các phương án ứng phó sự cố, tai nạn lao động; tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn lao động; trang bị các thiết bị bảo hộ lao động;
- Biện pháp phòng ngừa và sự cố thiên tai: theo dõi thông tin khí tượng thủy văn thường xuyên để có kế hoạch ứng phó kịp thời; Ngừng toàn bộ hoạt động thi công khi có mưa, bão từ cấp 5 trở lên; có phương án xử lý khi ngập lụt.
- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn giao thông: phân luồng giao thông tại các nút giao thông; lắp đặt đèn cảnh báo, biển báo hiệu, hàng rào

cảnh báo công trường đang thi công, xây dựng phương án đảm bảo an toàn giao thông thủy;

- Biện pháp phòng ngừa và sự cố tai nạn tàu thuyền: trang bị hệ thống báo hiệu tại chân trụ cầu; phối hợp với các cơ quan quản lý đường sông/ hàng hải địa phương để đảm bảo an toàn giao thông thủy.

- Biện pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn: không thi công vào mùa mưa lũ; đảm bảo lưu thông dòng chảy; thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn vào hố lắng và rãnh thoát nước xung quanh khu vực thi công để lắng bùn, đất trước khi nước thoát ra môi trường; Các bãi tập kết tạm vật liệu như đất, đá, cát sẽ được bố trí hợp lý và có che chắn, không để tràn xuống xuống dòng chảy;

- Biện pháp giảm thiểu tác động do tập trung công nhân: phối hợp và hợp tác với chính quyền địa phương trong ngăn ngừa và đấu tranh chống các tệ nạn xã hội; sử dụng lao động địa phương: ưu tiên sử dụng những lao động phổ thông, cả nữ và nam, tại địa phương để làm những công việc không yêu cầu trình độ cao;

- Biện pháp phục hồi môi trường sau khi thi công: công trường thi công sau khi hoàn thành, các hạng mục công trường sẽ được tháo bỏ, thu gom và xử lý rác thải; các tuyến đường địa phương sử dụng trong vận chuyển: bảo dưỡng trong quá trình sử dụng và hoàn nguyên sau khi sử dụng; tháo dỡ trạm trộn bê tông, lấp hố lắng hoàn trả mặt bằng của trạm trộn bê tông.

b. Giai đoạn vận hành

- Biện pháp giảm thiểu tác động do ngập úng: thường xuyên nạo vét, duy tu, bảo trì hệ thống thoát nước;

- Phòng ngừa sự cố điện giật, cháy nổ: định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống, bảo vệ của đường dây điện;

- Phòng ngừa sự cố tai nạn giao thông: lắp đặt các biển báo chỉ dẫn, cảnh báo, nghiêm cấm xe quá khổ quá tải; kiểm tra định kỳ và bảo dưỡng thường xuyên nền mặt đường; hệ thống chiếu sáng, hệ thống biển báo tín hiệu giao thông, đèn báo phải được kiểm tra định kỳ;

- Phòng ngừa sự cố sạt lở, sụt lún: tăng cường công tác kiểm tra để phát hiện và xử lý kịp thời, triệt để các sự cố đối với công trình ngầm gây sụt mặt đường.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Quan trắc, giám sát môi trường giai đoạn thi công xây dựng

Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

- Giám sát việc thoát nước của hệ thống cống và tình trạng ngập úng dọc tuyến đường của dự án trong thời gian bảo hành công trình;
- Giám sát sạt lở bờ sông xung quanh khu vực xây dựng cầu Đò Cung trong thời gian bảo hành công trình.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu sau:

6.1. Triển khai dự án sau khi cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất và đầy đủ thủ tục theo quy định.

6.2. Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, tài nguyên nước và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động triển khai xây dựng và hoạt động dự án.

6.3. Thực hiện khoanh định ranh giới dự án, xác định các địa bàn làm công trường thi công và đổ thải các loại bùn thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện dự án.

6.4. Tiếp tục nghiên cứu đánh giá địa chất thủy văn, địa chất công trình; mức độ sụt lún; tác động của biến đổi khí hậu,... đảm bảo tính khoa học và thực tiễn để thiết kế các công trình đảm bảo tính bền vững.

6.5. Lắp đặt hệ thống, biển báo, mốc giới các địa bàn thi công khu vực Dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực Dự án về thời gian và địa bàn thi công, xây dựng; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an toàn giao thông đường bộ, đường thủy và đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân trong thời gian thi công.

6.7. Tháo dỡ các công trình tạm ngay sau khi kết thúc thi công; thực hiện kịp thời công tác phục hồi cảnh quan môi trường địa bàn thi công, các khu vực đất tạm chiếm dụng, bãi đổ đất đá loại, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

6.8. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, tiếng ồn, độ rung, nước thải, chất thải rắn đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn môi trường liên quan và không gây tác động xấu đến môi trường.

6.9. Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

6.10. Điều chỉnh, bổ sung nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Đăng ký môi trường theo quy định.

6.11. Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định (trừ các thông tin bí mật theo quy định của pháp luật) và cung cấp thông tin về môi trường theo quy định./.

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100